

## VẤN ĐỀ NHÀ Ở VÀ LỐI SỐNG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ

CHU KHẮC

Trong những nhu cầu thiết yếu của con người, ngoài ăn và mặc nhà ở chiếm vị trí hết sức quan trọng trong đời sống hằng ngày của mọi gia đình. Nhà ở liên quan chặt chẽ đến lối sống vì đây là nơi con người hoạt động sống hai phần ba thời gian trong ngày, là nơi con người tái tạo lại sức lao động đã mất đi trong thời gian làm việc tại cơ quan, xí nghiệp, công trường; là nơi giao tiếp và hưởng thụ các dạng văn hoá tinh thần thoải mái và thuận tiện nhất và cũng là nơi con người sử dụng thời gian tự do đa dạng và phong phú nhất. Nghiên cứu vấn đề nhà ở tại thành phố không thể không biết đến lối sống gia đình đô thị, vì đó là nơi mọi thành viên của những tế bào xã hội này quần tụ, sinh hoạt, gắn bó chặt chẽ với nhau cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Phải quan niệm nhà ở không chỉ bó hẹp trong khoảng không gian sống của một căn buồng hay ngôi nhà cụ thể mà phải mở rộng ra cả môi trường xung quanh, bao gồm cả khu nhà, mạng lưới dịch vụ và các công trình văn hóa, giáo dục nữa. Để phục vụ cho công trình nghiên cứu cấp Nhà nước về nhà ở, những nhà qui hoạch và kiến trúc cũng cần tham khảo những đặc trưng cơ bản của lối sống gia đình đô thị để rút ra những nhu cầu sống của từng loại gia đình nhằm đáp ứng thiết thực hơn trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật cho phép những yêu cầu của các tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ công nhân viên chức trên bước đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, giải quyết vấn đề nhà ở thực chất là vấn đề cuộc sống, vấn đề xây dựng lối sống mới, con người mới, cho nên cũng là trách nhiệm của các ngành kinh tế - xã hội khác, ngoài ngành xây dựng và qui hoạch đô thị. Thiếu sự phối hợp nhịp nhàng này thì việc giải quyết vấn đề nhà ở trở thành phiến diện và kém hiệu quả, nếu không muốn nói là sẽ gây những hiện tượng tiêu cực và những khó khăn trong đời sống gia đình đô thị.

\*

\* \*

Các nhà xã hội học xã hội chủ nghĩa coi gia đình như một hệ thống nhỏ đặc thù của xã hội mà nét tiêu biểu trước hết là mối liên hệ qua lại với các hệ thống nhỏ khác của xã hội, rồi sau đó mới là tính tự trị nhất định: như là một trong những đơn vị xã hội cơ bản (tế bào xã hội) vì nó mang tính chất tổng hợp và tham gia trực tiếp vào tái sản xuất xã hội về mặt sinh học và xã hội và cuối cùng, như là một nhóm tâm lý- xã hội nhỏ mà các thành viên của nó được các quan hệ giữa các cá nhân gắn lại với

nhau và đồng thời như một thiết chế xã hội cực kỳ quan trọng do những luật lệ, những chuẩn mực xã hội, những truyền thống, quản lý và điều khiển<sup>(1)</sup>.

Mác và Ăng ghen đã nói: “Việc sản xuất ra đời sống trước hết là nhờ lao động và sau đó nhờ vào việc sinh đẻ, ngay từ đầu đã là mối quan hệ hai mặt; một mặt là quan hệ tự nhiên, mặt khác là quan hệ xã hội”<sup>(2)</sup>. Như vậy là tính chất và nội dung các mối quan hệ gia đình phụ thuộc vào các quan hệ kinh tế - xã hội, chính trị - văn hoá, mà các yếu tố xã hội, yếu tố sinh học - tự nhiên quyết định vai trò của các thành viên gia đình, đồng thời vai trò này không chỉ do các quan hệ tâm lý tình cảm mà chủ yếu do các thiết chế xã hội bao gồm luật lệ, tôn giáo, đạo đức, truyền thống, v.v... quyết định.

Do chịu ảnh hưởng sâu sắc của những điều kiện kinh tế - xã hội và tự nhiên của thành phố nên lối sống gia đình đô thị có những đặc trưng khác với lối sống gia đình nông thôn vốn bó hẹp vào một không gian và những mối quan hệ khép kín phụ thuộc vào đặc trưng của nền sản xuất nông nghiệp.

Trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, *cấu trúc và chức năng của gia đình đô thị có những biến đổi quan trọng*. Chính việc cải tạo xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trong xã hội, việc xây dựng một nền đạo đức mới, con người mới, lối sống mới trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa đã có những ảnh hưởng lớn lao đến những biến đổi trong các quan hệ giữa vợ chồng cha mẹ và con cái cùng những người thân khác trong gia đình. Tại Hà Nội, số gia đình hạt nhân chiếm 73,1%, loại gia đình ba thế hệ chiếm 26,6%, gia đình bốn thế hệ chỉ chiếm 0,3% (số liệu điều tra năm 1979). Những thành viên trong gia đình hiện nay đều hợp tác trong mọi sinh hoạt hàng ngày, nuôi dạy con cái, tổ chức thời gian tự do. Việc phân công trách nhiệm phục vụ gia đình được xã hội cũ ghi nhận (như phụ nữ chuyên lo việc nội trợ, không được tham gia công việc xã hội, người già quá tuổi lao động không phải tham gia bất cứ việc gì trong gia đình, uy quyền tuyệt đối ở những bậc “quyền huynh thế phụ”, v.v...) đã nhường chỗ cho sự phân công lao động dựa vào hợp tác xã, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau một cách bình đẳng. Đó cũng là nét tiêu biểu cho lối sống gia đình đô thị hiện nay. Về phương diện chức năng của gia đình, chúng ta cũng thấy có sự khác biệt và biến đổi (so với trước đây và so với nông thôn). Đối với chức năng cơ bản và vĩnh cửu của gia đình là “tái sản xuất ra con người” thì do những điều kiện kinh tế - xã hội mới và cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình việc *giảm tỷ lệ tái sản xuất dân số* là một nét thay đổi rõ rệt. Xu hướng này là do những nguyên nhân sau đây:

a) Người phụ nữ ở thành phố ngày càng được tham gia tích cực vào sản xuất và công tác nên cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch với những biện pháp cụ thể, khoa học và thuận tiện nên có tác dụng rõ rệt đến tỷ lệ sinh.

b) Địa vị xã hội, thành phần xuất thân và trình độ văn hoá của cư dân thành phố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức tăng dân số. Thí dụ ở Hà Nội, nhóm gia đình trí thức có số con trung bình là 1,69, ở nhóm gia đình công nhân là 2, còn ở nhóm gia đình những người làm nghề tự do là 3,95, trong khi đó tỷ lệ ở nông thôn miền Bắc hiện nay là 5,4 con, ở miền Nam số con còn cao hơn nhiều.

<sup>(1)</sup> Xem thêm A. Kharchev, M. Maskowski: *Gia đình hiện đại và những vấn đề của nó*, Moskva, 1978.

<sup>(2)</sup> Mác- Ăngghen: *Tác phẩm* (tiếng Nga) Moskva, t.3, tr.36.

c) Phụ nữ thành phố kết hôn muộn và ly hôn nhiều hơn. Ở Hà Nội tuổi kết hôn trung bình của nam thanh niên là 28,5 tuổi, nữ là 24 tuổi. Sở dĩ có tình trạng kết hôn muộn là vì, theo điều tra của chúng tôi, thanh niên thành phố hiện nay muốn ổn định công ăn việc làm rồi mới kết hôn, muốn có nhiều thời gian để nâng cao năng lực chuyên môn hoặc vì chưa có nhà ở và chưa đủ tiện nghi sinh hoạt.

d) Do trình độ và ý thức giác ngộ ở thành phố cao hơn nông thôn nên việc có con không còn giữ vai trò như một phương tiện đảm bảo cho cha mẹ lúc già yếu. Ý thức về mỗi gia đình không quá hai con hiện nay đã được nhiều gia đình trẻ chấp nhận một cách phổ biến (76,4% số người được hỏi muốn có hai con).

Chức năng giáo dục (còn gọi là xã hội hóa) cũng có những biến đổi quan trọng. Ở thành phố do có nhiều cơ sở nuôi dạy trẻ, những thiết chế xã hội như trường học, câu lạc bộ, nhà văn hóa v.v... nên trẻ em phát huy được trí tuệ rất sớm. Các gia đình (nhất là trí thức) rất quan tâm đến việc dạy dỗ con cái: ở khu Trương Định (Hà Nội) số người tham gia dạy con nhiều nhất là nam trí thức (chiếm 42% trong tổng số người được hỏi) viên chức (28,6%) công nhân (18,9%). Ở khu Trung Tự (Hà Nội), nữ trí thức hàng ngày dành 30 phút dạy con học. Tính chung cả hai giới thì số giờ giáo dục con cái tối thiểu là 43 phút. Ngoài ra, những tiện nghi văn hóa, loa truyền thanh, máy thu thanh, ti vi, radio cassette, đĩa hát, sách báo, v.v... điều kiện vật chất không thể thiếu được trong việc giáo dục trí năng cho trẻ nhỏ, mà hầu hết mọi gia đình hiện nay đều có đã đóng góp phần không nhỏ vào việc nâng cao kiến thức và mở mang trí tuệ cho trẻ em từ khi chúng còn thơ ấu.

Chức năng kinh tế của gia đình trong tình hình hiện nay càng đóng vai trò quan trọng nếu không muốn nói là hết sức quan trọng và bức thiết, đối với mỗi gia đình thành phố. Trong cuộc điều tra xã hội học ở nữ trí thức khu Trung Tự (Hà Nội) thời gian làm thêm để tăng thu nhập hàng ngày chiếm 1 giờ 45 phút, nếu kể cả thời gian tăng gia trồng trọt là 30 phút và thời gian chăn nuôi lợn gà 30 phút thì hàng ngày một người phải bỏ ra 2 giờ 4 phút để phục vụ cho kinh tế gia đình ngoài giờ làm việc ở cơ quan, trường học xí nghiệp. Đối với cán bộ, công nhân viên, trí thức ở khu Trương Định (Hà Nội) thì cả ba loại công việc trên chiếm từ 91 phút đến 180 phút hàng ngày.

#### Số giờ làm thêm hàng ngày của nam, nữ khu Trương Định (tính theo phút)

Nam			Nữ		
Công nhân	Viên chức	Trí thức	Công nhân	Viên chức	Trí thức
91	140	180	127	132	120

Hiện nay và một thời gian dài nữa, giải quyết vấn đề kinh tế trong gia đình còn là mối quan tâm hàng đầu của mọi thành viên vì đây là cơ sở vật chất bảo đảm sự tồn tại, bảo đảm việc tái sản xuất ra sức lao động và bảo đảm cho mọi hoạt động văn hóa tinh thần của một gia đình. Người xây dựng nhà ở cần quan tâm đúng mức tới yêu cầu này của mỗi gia đình đô thị ở nước ta.

Chức năng *tổ chức thời gian rỗi* của gia đình rất đa dạng và phong phú. Trong đời sống hàng ngày mỗi bộ phận thời gian thực hiện chức năng đặc thù của nó. Thời gian sản xuất là thời gian dành cho những công việc sản xuất vật chất tại cơ sở công tác, thời gian ngoài giờ sản xuất dành cho việc thực hiện những công việc bức thiết và thỏa mãn các nhu cầu sinh hoạt, còn thời gian rỗi là thời gian con người được tự do hoàn toàn, tùy ý lựa chọn hình thức tự thể hiện. Hoạt động trong thời gian rỗi xuất phát từ tổng thể các quan hệ xã hội, các điều kiện vật chất, các truyền thống và tập quán, theo tâm lý và trình độ phát triển tinh thần của mỗi cá nhân. Nội dung tổ chức thời gian rỗi của gia đình luôn luôn biến đổi. Cơ sở vật chất của thời gian rỗi là tổng thể các yếu tố vật chất để đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu tinh thần, thể xác và nhu cầu xã hội. Cơ sở này có thể chia thành ba bộ phận:

a) Cơ sở có tính chất xã hội và Nhà nước (như các phương tiện vận chuyển hành khách, các cơ quan văn hoá công cộng, viện bảo tàng..v.v...).

b) Các cơ sở của một tập thể như quỹ nhà ở, các phương tiện phục vụ sinh hoạt, sân thể thao, nhà văn hóa, v.v...

c) Các phương tiện của gia đình như nhà riêng, đồ dùng nội trợ, đồ gỗ, tủ sách riêng, dụng cụ thể thao cá nhân, các bộ sưu tập tranh ảnh, tem, v.v... Những dạng hoạt động trong thời gian rỗi của một gia đình thường là : 1. Đọc báo, 2. Xem tivi, 3. Nghe radio, 4. Đọc sách văn nghệ, 5. Giáo dục các con, 6. Tiếp và đi thăm bạn bè, anh em họ hàng, 7. Đánh cờ, đánh bài, 8. Nghỉ thụ động. Nhờ có chức năng này mà các thành viên trong một nhà thêm gắn bó với nhau, tăng cường hạnh phúc cho từng gia đình.

Đặc trưng thứ hai của lối sống gia đình đô thị là đời sống *phụ thuộc phần lớn vào thương nghiệp và dịch vụ công cộng*. Trong khi cư dân nông thôn với hệ sinh thái V.A.C, tự túc được lương thực và thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày, nhu cầu về nhiên liệu và dịch vụ sửa chữa không lớn và đơn giản hơn nhiều, thì ở thành thị, con người có nhu cầu lớn lao và rộng rãi về mọi phương diện, từ những thứ nhỏ nhất như cái tăm, mớ rau, quả ớt, túm hành đến gạo, thịt, cá và nhiều nông sản khác phục vụ bữa ăn của gia đình: đồng thời do có nhiều phương tiện sinh hoạt như đồ điện, đồ gỗ và các vật dụng khác, và nhu cầu mua sắm lớn hơn nên mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ càng trở nên quan trọng, hầu như không thể thiếu được trong cuộc sống hàng ngày. Trong cuộc điều tra ở khu Trương Định giữa năm 1980, chúng tôi thấy 67% hoạt động dành cho bữa ăn gia đình diễn ra ngay ở khu vực cư trú, 26% ở cơ quan, xí nghiệp làm việc và trên các tuyến đường đi về nhà, 75% số gia đình đáp ứng nhu cầu bữa ăn qua các cơ sở tư nhân và các gánh hàng rong. Thương nghiệp quốc doanh mới bảo đảm được 25% nhu cầu về thực phẩm. Dịch vụ cắt uốn tóc thì 53% số người được hỏi đến các cơ sở quốc doanh và hợp tác xã, còn 17% thì đến các cơ sở tư nhân; đối với may sửa quần áo thì con số tương ứng là 33,7% và 66,3%. Ở phường 4 và 11 quận 1 thành phố Hồ Chí Minh thì 98% người được hỏi khen ngợi chất lượng may quần áo của tư nhân như vừa ý, hợp thời trang, may kỹ, bền chắc, trả đúng hẹn, thái độ hoà nhã. Một vài con số trên đây nói lên rằng các cơ sở thương nghiệp và dịch vụ công cộng không thể tách rời khỏi điều kiện sinh sống của các gia đình đô thị. Đó là bộ phận hữu cơ trong các yếu tố tạo nên môi trường không gian xã hội của nơi cư trú tại thành thị. Làm tốt công tác thương nghiệp và dịch vụ một mặt sẽ nâng cao uy tín đối với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh

“ai thắng ai”, mặt khác, tạo thuận lợi và góp phần vào việc nâng cao mức sống, cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Đặc trưng thứ ba của lối sống gia đình đô thị, do nhu cầu đi làm việc và giao tiếp rộng rãi và phong phú, nên việc *sử dụng phương tiện đi lại tăng lên không ngừng*. Hệ thống giao thông và các phương tiện chuyên chở trong thành phố là một nhân tố gắn liền với điều kiện cư trú. Đó là những mạch máu trong một cơ thể thống nhất, nối liền các khu vực dân cư với nhau, nối liền nơi ở với các cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng công trường nơi mà mọi người lao động đến làm việc trong 1/3 thời gian của một ngày. Đường sá giao thông và phương tiện chuyên chở càng thuận tiện và nhanh chóng bao nhiêu thì càng làm cho con người thành phố rút bớt được số giờ đi lại vất vả và có thêm được một số thời gian bỏ vào những công việc hữu ích trong gia đình. Tài liệu về Công ty xe khách Thống Nhất ở Hà Nội cho biết hiện cả thành phố mới có 600 đầu xe so với trên 500 triệu lượt người đi lại thì quá ít ỏi. Tính cả hệ thống xe điện thì giao thông công cộng ở Hà Nội mới bảo đảm được 10% nhu cầu vận chuyển<sup>(3)</sup>. Những số liệu điều tra ở khu Trương Định cho thấy 75% phương tiện đi lại là xe đạp, và ô tô buýt 13%, 8% là đi bộ. Các phương tiện khác (xe máy, xe cơ quan, tàu điện. v.v...) khoảng 4%. Còn ở Trung Tự thì 89% dùng xe đạp, 4,2% đi ô-tô buýt, 2,3% đi bộ, 1,4% đi ô-tô cơ quan, 0,8% đi tàu điện<sup>(4)</sup>. Khoảng cách trung bình từ nơi ở đến chỗ làm việc là 5,2km, và có tới 59,1% số người được hỏi phải đi làm xa trên 5km, nhưng nếu đi sâu vào các tầng lớp thì tỷ lệ đó ở trí thức là 70%, ở công nhân là 55%, còn viên chức là 40%, còn thời gian trung bình cho một lần đi hết 34 phút. Những khó khăn về phương tiện đi lại còn là nguyên nhân của đi muộn về sớm ở một số nhà máy mà chúng tôi đến điều tra vào cuối năm 1984. Trong các văn kiện của Đảng ta, sau vấn đề ăn, mặc, ở có nhấn mạnh đến vấn đề phương tiện đi lại. Trong những năm gần đây, Hà Nội đã có nhiều cố gắng trong việc mở mang đường sá nhất là những đường cao tốc ở 5 cửa ô và một số đường vành đai. Nhưng do thừa hưởng một di sản lạc hậu của chế độ cũ để lại, đường sá trong nội thành hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đi lại nhất là vào những giờ cao điểm và những ngày nghỉ khi cường độ các hoạt động giao tiếp và mua sắm lên cao. Rồi đây, khi thành phố mở rộng ra xa vùng trung tâm, những khu nhà ở mới mọc lên ở xa, khoảng cách giữa nơi làm việc và nơi ở kéo dài ra, thì yêu cầu về giao thông, chuyên chở công cộng càng trở nên bức thiết. Giải quyết tốt hệ thống chuyên chở công cộng trong thành phố cũng là góp phần tạo ra một nền sinh hoạt mới, người dân sẽ không tính đến chuyện dời nhà về gần nơi làm việc hoặc tâm lý muốn ở trung tâm thành phố (gần các cơ sở văn hoá, giáo dục) cũng mất dần ý nghĩa thực tiễn của nó.

Đặc trưng thứ tư của lối sống gia đình đô thị là *tính hỗn hợp về mặt xã hội và dân tộc ngày càng tăng*. Do thành phố là một môi trường giao tiếp rộng lớn và đa dạng, quá trình đô thị hóa đã khiến cho tính phức tạp của cơ cấu dân cư tăng lên, người dân ở bất cứ vùng nào trong nước và thuộc bất cứ thành phần dân tộc nào cũng có điều kiện chuyển cư đến thành phố do yêu cầu của những công tác nhất định, vì vậy luôn luôn có sự tiếp xúc, gặp gỡ giữa mọi giai tầng xã hội, mọi dân tộc trong một nước. Vì thế, khác với nông thôn, các gia đình ở thành phố thuần nhất về thành phần

<sup>(3)</sup> Báo *Lao động*, ngày 1-11-1984

<sup>(4)</sup> Trần Văn Tý : *Một số kết quả nghiên cứu xã hội học tại thủ đô Hà Nội* (in xêlen) 1982, tr. 95.

xã hội và dân tộc ngày càng giảm đi, tức là số gia đình chỉ gồm toàn công nhân hay chỉ gồm viên chức giảm đi và đã xuất hiện ngày càng nhiều loại gia đình hỗn hợp như công nhân lấy trí thức, viên chức lấy bộ đội, v.v. và người dân tộc nọ kết hôn với người dân tộc kia. Sự ra tăng các gia đình hỗn về xã hội và dân tộc đã góp phần nâng cao ảnh hưởng của các nhóm xã hội khác nhau tới lối sống và làm thay đổi các định hướng giá trị, tập quán và tâm lý của các thành viên trong gia đình. Đây cũng là một quá trình phát triển xã hội khách quan nằm trong tiến trình xã hội, nó phá vỡ những hàng rào ngăn cách giá tạo về định kiến dựng lên từ lâu trong các chế độ cũ. Đó cũng là một trong những hình thức của sự phát triển xã hội, làm cho các dân tộc xích lại gần nhau, xóa bỏ giai cấp trong bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua cuộc điều tra ở khu tập thể Kim Liên (Hà Nội) thì số gia đình thuộc hai tầng lớp khác nhau chiếm 47,57%, thuộc ba tầng lớp trở lên chiếm 28,16%, còn số gia đình thuần nhất chỉ chiếm 24,27%. Các cấp kết hôn khác dân tộc phổ biến nhất là trí thức và công nhân có đào tạo. Chính tính chất hỗn hợp này đã ảnh hưởng đến các nhu cầu về văn hoá tinh thần, về phương thức tiêu dùng, về nếp sống và sinh hoạt trong các gia đình. Một khi có sự biến đổi trong lối sống thì mạng lưới dịch vụ, các cơ sở văn hoá tinh thần ở khu vực ở cũng phải chuyển biến để phục vụ được hữu hiệu hơn.

Đặc trưng thứ năm của lối sống gia đình đô thị là *hoạt động giao tiếp rất đa dạng và ngày càng mở rộng*. Nếu ở nông thôn, sự giao tiếp giữa các gia đình bó hẹp trong họ hàng, làng xóm, thì ở đô thị, sự giao tiếp này mở ra trên một diện rất rộng bao gồm nhiều loại, ngoài những quan hệ láng giềng, bà con, anh em đồng nghiệp, còn có nhiều dạng giao tiếp lẫn danh, những tiếp xúc ngẫu nhiên mở rộng ra khỏi khu cư trú, thí dụ như các hoạt động dành cho bữa ăn (mua lương thực, thực phẩm, rau quả, chất đốt), ở nơi ăn uống công cộng (điểm tâm, giải khát), khi đi mua hàng công nghệ, sửa chữa đồ dùng gia đình (xe đạp, máy thu thanh, thu hình, quần áo, đồng hồ...) và những hoạt động để thỏa mãn nhu cầu văn hóa tinh thần (như đi xem phim, ca nhạc, xiếc, câu lạc bộ...). Như vậy, không gian giao tiếp là chính ở căn hộ và khắp môi trường thành phố. Giao tiếp ở nơi cư trú là cơ bản đối với gia đình đô thị. Song, những số liệu điều tra ở Hà Nội cho thấy 34% số người được hỏi nếu khó khăn trở ngại cho hoạt động giao tiếp vì nhà ở chật chội, thiếu phòng riêng, khách đến chơi nhà thường gây lúng túng cho hoạt động bình thường của gia đình, và cũng nhiều nhà do thiếu tiện nghi, bàn ghế cần thiết nên phải để khách ngồi cả trên giường ngủ. Những khó khăn này làm cho một số gia đình ngại giao tiếp, không dám mời khách đến chơi nhà vì thế ảnh hưởng đến những mối quan hệ bên trong và bên ngoài gia đình. Trong khi đó, những điều tra xã hội học cho thấy một gia đình trí thức khu Trung Tự (Hà Nội) có số lần giao tiếp hàng năm nhiều nhất lên đến 400 lần, gia đình ít nhất cũng 185 lần. Số lần giao tiếp với hàng xóm chiếm 32,2% trong tổng số rồi đến bạn bè cùng cơ quan chiếm 22,6%, thứ đến là cha mẹ, con cái đã ở riêng chiếm 20,7%. Trung bình hàng tuần, nữ trí thức khu Trung Tự không con nhỏ tiếp 3,5 lần, nhiều nhất là 7,7 lần, chủ yếu là vào ngày chủ nhật với thời gian trung bình là 1 giờ 16 phút. Như vậy, việc giao tiếp rất đa dạng và mở rộng của mỗi gia đình đô thị, nhất là tầng lớp trí thức, đã phản ánh một nhu cầu thiết thân, không thể thiếu được của con người về tình cảm, văn hoá, xã hội. Người thiết kế và xây dựng nhà ở phải tính đến đặc trưng này của lối sống gia đình thành phố để tạo điều kiện cho cuộc sống con người ngày càng văn minh, lịch sự hơn.

\*

\* \*

Trên đây là những đặc trưng cơ bản của lối sống gia đình đô thị xét dưới giác độ tổng thể môi trường sống. Qua những điều đã nêu ở trên, chúng ta thấy việc giải quyết vấn đề nhà ở, nói rộng ra là lối sống của các gia đình thành phố cư trú trên một địa bàn nhất định không chỉ liên quan đến ngành thiết kế, xây dựng hay công trình đô thị mà thôi. Đương nhiên, các ngành này có mối liên quan trực tiếp. Song cũng không thể chỉ có sự tham gia của một vài ngành khoa học xã hội, y tế, văn hoá mà đủ được. Giải quyết vấn đề ở như trên đã nói là vấn đề xây dựng một lối sống mới, con người mới trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa mà chúng ta đang tiến hành. Cho nên nó có liên quan đến nhiều ngành kinh tế-xã hội khác mà thoạt nhìn tưởng như không có sự ràng buộc gì hết.

Qua đặc trưng thứ hai của lối sống gia đình đô thị, ta thấy rõ rệt vai trò của ngành *thương nghiệp và dịch vụ công cộng* có ảnh hưởng to lớn đến đời sống hàng ngày của mọi gia đình. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần tổ chức từ các cửa hàng để phục vụ mọi nhu cầu mua sắm của nhân dân sao cho thuận tiện, văn minh, lịch sự “vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”. Ngành lương thực, chất đốt cần bố trí, sắp xếp các cửa hàng gần các thu tập thể đông dân cư, giờ giấc bán hàng hợp lý, tinh thần thái độ mật dịch viên tận tụy, năng nổ để giảm bớt thời gian chờ đợi của nhân dân. Các ngành điện, nước cố gắng đảm bảo đến mức tối thiểu nhu cầu sinh hoạt, tránh tùy tiện và phân phối phải công bằng, chống những hiện tượng tiêu cực trong nội bộ ngành và tình trạng lãng phí về phía người tiêu dùng. Các ngành cắt tóc, uốn tóc, may đo, giặt là, nhuộm, sửa chữa xe đạp, xe máy, đồng hồ, radio, ti vi, giày dép, quần áo, v.v. cần cải tiến công tác sao cho nhanh chóng, đúng hẹn, thuận tiện, bảo đảm chất lượng, để giảm bớt thời giờ đi lại và tiền bạc của nhân dân.

Đặc trưng thứ ba ở trên liên quan đến ngành *quản lý công trình công cộng và vận chuyển hành khách nội ngoại thành*. Việc sửa chữa và mở rộng đường sá hiện nay đóng vai trò quan trọng. Vì trong một thời gian dài nữa, phương tiện đi làm chủ yếu của người lao động vẫn là chiếc xe đạp. Hiện nay lưu lượng xe đạp đi trong thành phố lên rất cao, nhất là những giờ tan tầm. Đường sá chật hẹp lại thêm nhiều chướng ngại trên đường (như sửa chữa cống nước, giằng điện thoại, v.v.) khiến cho nhiều lúc giao thông bị ùn tắc. Thành phố tương lai càng mở rộng ra những vùng ven đô xa xôi thì ngành vận chuyển hành khách càng trở nên cần thiết, vì đi xe đạp với những cự ly trên 10km đã thành bất tiện và hao tổn sức lực, cho nên lúc đó buộc người lao động phải dùng đến phương tiện vận tải công cộng. Ở các nước tiên tiến, người ta đi làm cách xa nhà vài chục ki-lô-mét nhưng vẫn thoải mái và đúng giờ vì các phương tiện vận tải như métro, xe buýt, xe điện chạy rất đúng giờ và nhanh chóng. Nếu chúng ta cố gắng vươn lên thỏa mãn được nhu cầu này của nhân dân thì đó là một đóng góp đáng kể trong việc nâng cao đời sống của mỗi gia đình đô thị.

Đặc trưng thứ tư liên quan đến các ngành *văn hóa, giáo dục, truyền thông, đại chúng*, v.v... những ngành chịu trách nhiệm nâng cao trình độ hiểu biết và phổ biến mọi giá trị tinh thần của các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Cần chú ý nâng cao tính hiệu quả của những sản phẩm tinh thần, đưa ra những tác phẩm đáp ứng và hướng dẫn được thị hiếu lành mạnh của các khán giả, đa dạng về trình độ hiểu biết, góp phần vào việc giáo dục tình cảm thẩm mỹ của nhân dân. Đồng thời cũng cần tăng cường giới thiệu các tinh hoa của các dân tộc anh em để dân tộc nọ hiểu dân tộc kia hơn. Tiếng đàn bầu của đồng bằng Bắc Bộ thánh thót bên cạnh tiếng đàn T'rung và Krông pút sôi nổi, hào hứng trầm hùng của Tây Nguyên cùng với điệu khèn của

đồng bào H'Mông, tiếng công của người Mường, v.v.. là những hình ảnh đoàn kết, thân ái, xích lại gần nhau, giữa miền xuôi miền ngược trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc trưng thứ nhất và thứ năm liên qua trực tiếp đến việc xây dựng nhà ở. Nhà *kiến trúc* cần tính đến những đặc điểm xã hội của một gia đình rút kinh nghiệm những ngôi nhà có sự chung đụng về bếp núc, nhà tắm, vệ sinh (như khu tập thể Nguyễn Công Trứ) thường xảy ra sự xích mích mất đoàn kết, cần thiết kể các kiểu căn hộ khép kín (như các chung cư và cư xá ở miền Nam hiện nay) trong đó dù diện tích eo hẹp cũng nên có những khoảng dành cho nghỉ ngơi, tiếp khách riêng biệt (có thể bán những tấm vách ngăn để mỗi gia đình tự bố trí theo yêu cầu riêng biệt của mình). Các công ty *xây dựng* thi công cần bảo đảm chất lượng công trình sao cho bền đẹp, tránh tình trạng nhà mới mà đã bị vỡ ống máng, nứt nẻ, vào nhà vệ sinh phải đội nón! Và khi bàn giao phải đồng bộ với điện, nước, cống rãnh, đường sá ra vào khu ở, tránh tình trạng khi trời mưa thì phải lội bì bõm từ đường cái vào nhà...

Vấn đề nhà ở còn liên quan đến việc sản xuất vật liệu xây dựng, vốn dành cho xây dựng, chính sách phân phối và sử dụng nhà ở v.v... ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến nhà ở và lối sống gia đình đô thị, đó là vấn đề thiết thân đến các thành viên cư ngụ trong một khu và ở mọi hoạt động sống của họ. Với sự cộng tác của nhiều ngành kinh tế-xã hội liên quan, chúng ta tin rằng trong tương lai có thể giải quyết tương đối thỏa đáng những khó khăn hiện nay về vấn đề bức thiết và phức tạp này.